

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 48/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 3 - 2025

V/v tranh chấp "Ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Kim Loan;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Hoàn.

Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Trong ngày 04 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 535/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Châu A, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp Bình Thạnh, xã Tam Bình, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: A Trần Văn C, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp Bình Thạnh, xã Tam Bình, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

(Chị A có đơn xin vắng mặt; Anh C vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 04/7/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Châu A trình bày:

Chị và A Trần Văn C cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Bình, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang vào ngày 27/12/2001. Sau khi cưới nhau, vợ chồng C sống hạnh phúc được một thời gian thì đến đầu năm 2024 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh C không lo làm phụ chi nuôi con dẫn đến cuộc sống vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không có hạnh phúc. Nay, tình

cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với A Trần Văn C.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Ngọc Thư, sinh ngày 04/12/2001, đã trưởng thành, có khả năng lao động được và Trần Thị Ngọc Thương, sinh ngày 21/8/2013. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Ngọc Thương, chưa yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị và A C tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Trần Văn C đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh C vẫn không có ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn C đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và chị Trần Châu A có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh C, chị A.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Châu A, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Trần Châu A và anh Trần Văn C có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị A và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống C không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị A yêu cầu được ly hôn với anh C là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị A được ly hôn với anh C.

[3] Về con chung: Chị A và anh C có 02 chung tên Trần Thị Ngọc Thư, sinh ngày 04/12/2001 và Trần Thị Ngọc Thương, sinh ngày 21/8/2013. Hiện con chung tên Trần Thị Ngọc Thư đã trưởng thành, có khả năng lao động được, con chung tên Trần Thị Ngọc Thương có nguyện vọng sống cùng với chị A. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A, giao cháu Trần Thị Ngọc Thương cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

[4] Về cấp dưỡng: Chị A chưa yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị A và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị A và anh C không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Trần Châu A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Châu A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Châu A được ly hôn với anh Trần Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Thị Ngọc Thương, sinh ngày 21/8/2013 cho chị Trần Châu A trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Văn C chưa phải cấp dưỡng nuôi con C do chị Trần Châu A chưa có yêu cầu.

Anh Trần Văn C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Nếu anh C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh C.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

Chị Trần Châu A phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp

theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002546 ngày 29/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, chị A đã thi hành xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Tam Bình.
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Trần Kim Loan